

Số: /BC-THPTND

Xã Hồng Dân, ngày 07 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện một số nội dung trên lĩnh vực
giáo dục trên địa bàn tỉnh Cà Mau**
(Kèm theo Công văn số 4082/SGD&ĐT-VP ngày 18/9/2025 của
Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Kế hoạch số 13/KH-HĐND ngày 16/9/2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh về Khảo sát thực hiện một số nội dung trên lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Thực hiện Công văn số 4082/SGD&ĐT-VP ngày 18/9/2025 của Sở GD&ĐT V/v triển khai thực hiện một số nội dung phục vụ Đoàn khảo sát của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Trường THPT Ngan Dừa xin báo cáo Kết quả thực hiện một số nội dung trên lĩnh vực giáo dục như sau:

1. Tình hình lớp và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

1.1. Tình hình lớp và học sinh

- Số liệu (kèm theo Phụ lục: Biểu mẫu 1. Tình hình lớp và học sinh).

- So sánh:

Bảng 1

Nội dung	2023 - 2024	2024 - 2025	Ghi chú
Số học sinh lên lớp	1133/1134 (99,92%)	1202/1203 (99,92%)	
Số học sinh lưu ban	01/1134 (0,09%)	01/1203 (0,08%)	
Số học sinh bỏ học	03/1145 (0,26%)	04/1216 (0,33%)	
Số học sinh chuyển trường	08/1145 (0,69%)	09/1216 (0,74%)	

Bảng 2

Nội dung	2023 - 2024	2025 - 2026	Ghi chú
Số học sinh bỏ học	03/1145 (0,26%)	x	11 em học nghề
Số học sinh chuyển trường	08/1145 (0,69%)	x	

1.2. Thực trạng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Năm học 2024 - 2025: Số liệu (kèm theo Phụ lục: Biểu mẫu 2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên).

b) Năm học 2025 - 2026: Số liệu (kèm theo Phụ lục: Biểu mẫu 2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên).

c) Thuận lợi, khó khăn:

- Thuận lợi:

+ Hiện tại trường có tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 57. Trong đó: cán bộ quản lý: 03; giáo viên: 46; nhân viên: 08 (nhân viên trong biên chế: 05, chia ra: 01 văn thư, 01 kế toán, 01 bảo vệ, 01 thiết bị, 01 thư viện; nhân viên hợp đồng: 03, chia ra: 01 y tế, 01 bảo vệ, 01 tạp vụ).

+ Cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đạt chuẩn 100% (trong đó có 05 Thạc sĩ). Năng lực, chuyên môn tốt; đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, sẵn sàng triển khai thực hiện Chương trình GDPT mới, sách giáo khoa mới và khả năng tiếp cận nhanh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong giảng dạy.

+ Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn: Thực hiện đầy đủ theo kế hoạch, hướng dẫn của Sở GDĐT.

+ Việc thực hiện chế độ chính sách, lương, phụ cấp, chế độ ưu đãi đối với giáo viên đảm bảo, kịp thời đúng quy định; đời sống, tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ nhà giáo ổn định.

- Khó khăn:

+ Về tuyển dụng giáo viên, nhân viên trong năm học 2024 - 2025: Nhu cầu tuyển dụng 06 giáo viên, 02 nhân viên. Kết quả tuyển dụng được 02 nhân viên; giáo viên 0.

+ Về tuyển dụng giáo viên, nhân viên trong năm học 2025 - 2026: Nhà trường đã báo cáo đăng ký nhu cầu giáo viên và nhân viên 08 người (07 giáo viên và 01 nhân viên). Hiện đang chờ Ngành thực hiện quy trình tuyển dụng.

2. Việc thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ giáo dục ngoài học phí

(Trường không có tổ chức bán trú)

3. Trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và triển khai thực hiện dạy học 2 buổi/ngày

- Cơ sở vật chất: **Số liệu (kèm theo Phụ lục: Biểu mẫu 4. Trang thiết bị, cơ sở vật chất).**

- Trang thiết bị dạy học:

+ Thiết bị dạy học phục vụ dạy học theo Chương trình GDPT 2018 chưa được cấp thẩm quyền đầu tư mua sắm.

+ Năm học 2024-2025 và đầu năm học 2025-2026 chưa được cấp thẩm quyền đầu tư xây mới cơ sở vật chất trường lớp phục vụ dạy học. Các khoản sửa chữa nhỏ thường xuyên do nhà trường thực hiện:

. Sửa chữa, mua mới ghế gỗ ở hội trường.

. Lắp đặt mới mái che sân trường.

. Lát nền đường đi đến các dãy phòng tổ chuyên môn.

. Nâng mặt đường và làm mới cổng sau trường nhằm phân luồng học sinh tránh ùn tắc giao thông khi tan học.

- . Sửa chữa la phong, điện, quạt, ti vi, cổng chính nhà trường.
- . Gia cố chèn gai 01 đoạn hàng rào phục vụ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.
- . Sửa chữa nhà vệ sinh, cống thoát nước tránh ùn ứ nước khi trời mưa lớn.
- . Lắp mới máy lạnh trong Hội trường, phòng Truyền thống, phòng Y tế, phòng sao in đề, phòng kế toán...
- + Triển khai sửa chữa, xây dựng nhà vệ sinh trường học theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh: Chưa được triển khai.

- Về xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia:

- + Trường đã được công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 1851/QĐ-SGD&H&CN ngày 13/8/2020 của Sở GD&H&CN Bạc Liêu và trường đã được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu.
- + Từ đó đến nay nhà trường vẫn luôn tiếp tục xây dựng kế hoạch duy trì và cải tiến chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia cho thời gian tới.
- + Khó khăn: Hiện tại cơ sở vật chất nhà trường đang xuống cấp, thiếu đồng bộ; không có hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:

- + Thuận lợi:
 - . Thực hiện Công văn số 3600/SGDDT-GDTrH ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT V/v hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục trung học năm học 2025-2026. Từ đầu năm học 2025-2026 nhà trường triển khai tổ chức thực hiện dạy học 02 buổi/ngày, tổng 29/29 lớp, thời khóa biểu sắp tới đa 07 tiết/ngày.
 - . Theo kế hoạch của nhà trường trong thời gian sắp tới thực hiện chương trình phụ đạo học sinh có kết quả học tập học kỳ I Chưa đạt, ôn thi học sinh giỏi, ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2026.
- + Khó khăn: Thiếu kinh phí hoạt động, chi trả tăng giờ cho giáo viên; cơ sở vật chất, phòng học xuống cấp.
- + Kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị: Đơn vị chưa được cấp kinh phí hoạt động thường xuyên cho dạy học 02 buổi/ngày. Dự toán năm 2026 về hoạt động 02 buổi/ngày 1053 tiết, với tổng kinh phí (dự kiến) cho hoạt động này là 263.250.000đ.

. Tổng số kinh phí được cấp thẩm quyền cấp trong năm học: Chưa được cấp.

. Tổng số tiền chi trong năm học: Không.

4. Việc triển khai thực hiện Thông tư số 29/2024/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2024 về dạy thêm, học thêm

- Nhà trường đã tổ chức triển khai quán triệt Thông tư số 29/2024/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GD&ĐT về dạy thêm, học thêm đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh, học sinh.
- Dạy thêm, học thêm trong trường:

+ Năm học 2024-2025: Ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

+ Năm học 2025-2026: Dự kiến phụ đạo học sinh có kết quả học tập học kì I Chưa đạt, ôn thi học sinh giỏi, ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

- Nguồn kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định: Số liệu (kèm theo Phụ lục: Biểu mẫu 5. Dạy thêm, học thêm).

- Đánh giá nhận thức và mức độ đồng thuận của giáo viên, phụ huynh và nhu cầu của học sinh đối với quy định về dạy thêm, học thêm trong trường học hiện nay:

+ Đối với giáo viên: Đồng thuận cao với quy định mới vì đây là sự cần thiết để quản lý chặt chẽ hoạt động dạy thêm, bảo đảm quyền lợi học tập của học sinh. Đồng thời giáo viên được khích lệ nâng cao chất lượng dạy học chính khóa, đổi mới phương pháp giảng dạy để truyền đạt kiến thức trọn vẹn trong giờ học chính.

+ Đối với phụ huynh: Đa số ủng hộ quy định vì cho rằng đây là bước đi đúng đắn để đảm bảo môi trường học tập công bằng và lành mạnh cho con em. Phụ huynh cũng mong muốn nhà trường và giáo viên dành sự quan tâm đầy đủ đến từng học sinh, thay vì áp lực phải đi học thêm.

+ Đối với học sinh: Nhu cầu học sinh hiện nay là được tiếp cận giáo dục chất lượng, chủ động, tự tin và được phát huy năng lực. Học sinh cần được hướng dẫn, động viên để tăng cường tự học, tự nghiên cứu, thảo luận nhóm và sử dụng công nghệ thông tin, thay vì phụ thuộc vào việc đi học thêm.

- Chất lượng, hiệu quả của việc dạy thêm, học thêm trong trường học:

Trong năm học 2024-2025 nhà trường cơ bản thực hiện dạy thêm, học thêm:

+ Ôn thi TN THPT năm 2025.

+ Thực hiện ôn 02 tiết/môn/tuần. Tổng cộng 20 tiết/môn.

+ Kết quả: Đảm bảo chất lượng, hiệu quả so với các năm học trước đây.

. Tỷ lệ học sinh đỗ TN: 374/374 (tỷ lệ 100%)

. Kết quả của các bộ môn tham gia thi TN:

Tỷ lệ điểm thi từ trung bình trở lên:

Môn	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lí	GDKTPL	CNNN
Kết quả	99,20	34,76	54,35	90,85	64,55	72,22	90,26	92,25	100	100
MBT	97,40	32,75	51,71	84,75	59,66	68,02	89,16	87,41	98,90	98,90

Nhận xét: Có 10/10 môn $\geq$ MBT.

Mức điểm trung bình:

Môn	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lí	GDKTPL	CNNN
Kết quả	7,06	4,57	5,09	6,73	5,58	5,64	6,89	6,99	7,49	8,11
MBT	6,99	4,39	4,99	6,51	5,50	5,69	6,86	6,91	7,79	7,72

Nhận xét: Có 08/10 môn $\geq$ MBT.

- Đánh giá khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện dạy thêm, học thêm trong trường học tại đơn vị:

+ Thuận lợi:

Ngay sau khi Thông tư 29 có hiệu lực, nhà trường đã triển khai phổ biến rộng rãi qua truyền thông, giúp nâng cao nhận thức của VC, NLĐ, HS và CMHS về việc quản lý dạy thêm, học thêm. Đặc biệt là sự đồng thuận cao từ phía CMHS.

Thông tư 29 đã giúp thay đổi tư duy của giáo viên, phụ huynh và học sinh về việc học thêm. Thay vì chạy theo các lớp học ngoài nhà trường, học sinh dần thích nghi với phương pháp tự học, giảm áp lực học tập không cần thiết.

Học sinh chỉ còn tập trung vào việc học chính khóa, giảm áp lực học thêm, có thời gian tự học...

+ Khó khăn: Kinh phí khi tổ chức phụ đạo học sinh có kết quả học tập Chưa đạt, ôn thi HSG, ôn thi TN THPT.

- Phương hướng, giải pháp trong thời gian tới:

+ Tập trung đầu tư nâng cao chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn, giảm thiểu học sinh chưa đạt.

+ Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo dục Stem gắn kết với các môn học và các hoạt động giáo dục khác.

+ Tổ chức đa hoạt các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường.

+ Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, rèn luyện các kỹ năng mềm trong học sinh.

+ Phát huy hiệu quả hoạt động các Câu lạc bộ trong nhà trường.

+ Tăng cường kiểm tra các cơ sở dạy thêm, học thêm bên ngoài nhà trường để đảm bảo Thông tư 29 được thực hiện đồng bộ, hiệu quả từ đó học sinh cũng tập trung hơn trong việc học tập trong nhà trường.

5. Đánh giá chung

5.1. Kết quả đạt được

a) Kết quả hai mặt giáo dục:

- Kết quả rèn luyện:

Khối	SL	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
------	----	-----	-----	-----	----------

		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
10	421	392	93,11	28	6,65	1	0,24		
11	408	399	97,79	9	2,21				
12	374	366	97,86	8	2,14				
TC	1203	1157	96,18	45	3,74	1	0,08		

Nhận xét:

HS xếp loại khá và tốt so với năm học trước: **tăng 0,54%**.

Không có HS rèn luyện lại trong hè.

- Kết quả học tập:

Khối	SL	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
10	421	50	11,88	165	39,19	204	48,46	2	0,48
11	408	74	18,14	224	54,90	110	26,96		
12	374	38	10,16	223	59,63	113	30,21		
TC	1203	162	13,47	612	50,87	427	35,49	2	0,17

Nhận xét:

+ HS xếp loại từ TB trở lên (Được lên lớp thẳng): **tăng 0,18%**.

+ K10: Có 02 HS phải đánh giá lại trong hè. Kết quả sau khi đánh giá lại trong hè (Có 01 HS đủ điều kiện lên lớp, 01 HS không đủ điều kiện lên lớp).

* Tổng kết năm học 2024-2025 nhà trường có tổng cộng 162/1203 HS đạt danh hiệu HSXS, HSG:

+ K10: 50/421 HS đạt danh hiệu HSXS và HSG

(06 HS đạt HSXS và 44 HS đạt HSG)

+ K11: 74/408 HS đạt danh hiệu HSXS và HSG

(09 HS đạt HSXS và 65 HS đạt HSG)

+ K12: 38/374 HS đạt danh hiệu HSXS và HSG

(02 HS đạt HSXS và 36 HS đạt HSG)

b) Chất lượng bộ môn:

- Điểm KTCK 1: (Đề thi của Sở)

Môn	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lí	GDKTPL (K12)
Chỉ tiêu	94,41	64,39	40,38	84,30	82,65	82,20	85,89	84,34	97,90
Kết quả	96,69	79,65	45,00	86,76	81,16	71,49	92,39	87,58	98,49

MBT	89,81	78,21	56,71	78,31	82,12	73,82	88,38	77,55	99,42
------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------

Nhận xét: Ngữ văn, Toán, Vật lí, Lịch sử, Địa lí $\geq$ MBT.

- Điểm KTCK 2: (Đề thi của Sở)

Môn	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lí	GDKTPL (K12)
Chỉ tiêu	96,30	64,39	47,37	85,52	84,47	84,42	89,34	89,57	98,95
Kết quả	98,42	70,24	40,07	82,60	67,23	88,28	90,36	92,06	97,97
MBT	92,50	71,19	55,76	78,80	72,63	83,65	87,73	89,33	95,38

Nhận xét: Ngữ văn, Vật lí, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, GDKTPL $\geq$ MBT.

- Điểm TBm cả năm:

Môn	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lí	GDKTPL	CN	Tin học	GD TC	QP
Chỉ tiêu	96,30	79,11	60,94	87,04	86,15	86,37	96,62	94,87	100	100	100	100	100
Kết quả	99,58	92,77	75,89	97,71	98,17	97,91	99,25	99,32	100	100	100	100	100
MBT	97,60	90,11	86,59	94,10	93,66	97,46	99,24	98,62	100	100	100	100	100

Nhận xét: Có 12/13 môn $\geq$ MBT.

c) Học sinh giỏi cấp tỉnh:

- Tham gia các Kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh năm học 2024-2025: Đạt **22** giải, vượt chỉ tiêu Sở GDĐT giao.

+ Lớp 12: Đạt 03 giải.

01 giải Ba môn Tiếng Anh.

02 giải Khuyến khích môn Lịch sử.

+ Lớp 11: Đạt 07 giải.

02 giải Khuyến khích môn Ngữ văn.

02 giải Khuyến khích môn Lịch sử.

01 giải Nhì, 01 giải Ba, 01 giải Khuyến khích môn Địa lý.

+ Lớp 10: Đạt 12 giải.

02 giải Ba môn Ngữ văn.

01 giải Nhì, 02 giải Khuyến khích môn Toán.

01 giải Khuyến khích môn Tiếng Anh.

01 giải Khuyến khích môn Sinh học.

04 giải Khuyến khích môn Lịch sử.

01 giải Khuyến khích môn Địa lý.

- Có 01 HS tham gia Kỳ thi chọn HSGQG năm học 2024-2025 môn Tiếng Anh (em Trịnh Công Thành lớp 12C1).

d) Kết quả thi TN THPT năm 2025:

- Tỷ lệ học sinh đỗ TN: 374/374 (tỷ lệ 100%)

- Kết quả của các bộ môn tham gia thi TN:

+ Tỷ lệ điểm thi từ trung bình trở lên:

Môn	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lí	GDKTPL	CNNN
Kết quả	99,20	34,76	54,35	90,85	64,55	72,22	90,26	92,25	100	100
MBT	97,40	32,75	51,71	84,75	59,66	68,02	89,16	87,41	98,90	98,90

Nhận xét: Có 10/10 môn $\geq$ MBT.

+ Mức điểm trung bình:

Môn	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lí	GDKTPL	CNNN
Kết quả	7,06	4,57	5,09	6,73	5,58	5,64	6,89	6,99	7,49	8,11
MBT	6,99	4,39	4,99	6,51	5,50	5,69	6,86	6,91	7,79	7,72

Nhận xét: Có 08/10 môn $\geq$ MBT.

e) Kết quả tham gia các Cuộc thi, Hội thi cấp tỉnh:

- Tham gia Cuộc thi KHKT cấp tỉnh năm học 2024-2025:

+ Tham gia: 02 sản phẩm.

+ Kết quả: 01 sản phẩm đạt giải Tư.

- Tham gia Hội thao QP-AN cấp tỉnh năm học 2024-2025: **Không đạt giải.**

- Tham gia Đại hội thể thao học sinh cấp tỉnh lần thứ XV năm 2025: Thành tích đạt được: 04 vàng, 06 bạc, 07 đồng; đạt giải Ba toàn đoàn khối THPT.

+ Điền kinh: 01 HCV, 05 HCD.

+ Taekwondo: 02 HCV, 02 HCD.

+ Vovinam: 01 HCV, 04 HCB.

+ Cờ truyền: 02 HCB.

* Có 01 HS được Sở chọn tham gia giải thể thao học sinh phổ thông toàn quốc năm 2025 môn Điền kinh (em Lê Võ Đông Nhi lớp 10A4 đạt HCD toàn quốc).

- Tham gia Hội thi “Giai điệu tuổi hồng” tỉnh Bạc Liêu năm học 2024-2025: Có 01 tiết mục đạt giải KK.

5.2. Khó khăn, hạn chế, bất cập và nguyên nhân

- Thiết bị dạy học Chương trình GDPT 2018 chưa được cung cấp; Tình hình thiếu giáo viên và nhân viên y tế so với biên chế được giao.

- Hiện tại cơ sở vật chất nhà trường đang xuống cấp, thiếu đồng bộ; không có hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

- Thiếu kinh phí hoạt động, chi trả tăng giờ học kỳ I năm học 2025 – 2026, chi khen thưởng Nghị định 73/2024 của Chính phủ.

5.3. Kiến nghị, đề xuất

Để đảm bảo hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả tốt trong thời gian tới. Trường THPT Ngan Dừa kiến nghị Sở GDĐT, UBND tỉnh như sau:

- Đầu tư xây mới 40 phòng học (trường còn quỹ đất phía sau cơ sở hiện hữu đảm bảo để đầu tư xây dựng) và các khối công trình hỗ trợ như: nhà vệ sinh, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, tường rào, hệ thống thoát nước, bảng, bàn ghế giáo viên, học sinh, tivi... đảm bảo hoạt động thông suốt, hiệu quả, phù hợp với quy mô phát triển nhà trường trong tương lai.

- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trường, lớp hiện có phục vụ dạy học và duy trì trường đạt chuẩn quốc gia trong thời gian sắp tới.

- Cung cấp trang thiết bị phục vụ dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Xem xét việc giao số lượng biên chế đúng theo định mức.

- Xem xét, bổ sung thêm kinh phí theo đề xuất của đơn vị để nhà trường đảm bảo thanh toán các chế độ, chính sách có liên quan đến viên chức, người lao động và hoạt động thường xuyên của nhà trường.

Nơi nhận:

- Ban VHXH HĐND tỉnh (báo cáo);
- Sở GDĐT (báo cáo);
- VC, NLĐ;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Thanh Giang